TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018 /HNGĐ-ST
Ngày: 10/10/2018
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Ngọc Khánh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hưng
2. Bà Nguyễn Thị Hiền

***- Thư ký phiên tòa* :** Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

*1.*Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970;Địa chỉ: ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

2.Bị đơn: Ông Đinh Văn M, sinh năm 1964; Nơi cư trú: ấp A, xã SĐ, thành phố BTe, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2018, biên bản hoà giải ngày 31/5/2018, 04/7/2018 và 28/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày :

Bà và ông Đinh Văn M thành hôn vào năm 1997, hôn nhân do mai mốivà đã đăng ký kết hôn, số chứng nhận kết hôn: 492; quyển số 02 ngày 23/10/1997 tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Sau khi thành hôn vợ chồng sống tại xã SĐ, thành phố Bến Tre. Quá trình chung sống bà và ông M có hai con chung là Đinh Hoàng D, sinh ngày 15/12/1992 và Đinh Tiến P, sinh ngày 23/12/2002 hiện bà chăm sóc và nuôi dưỡng. Đến năm 2002, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn lý do ông M có lối sống gia trưởng, ích kỷ, thường xuyên đánh đập bà, chửi mắng và ghen tuông

không chăm lo vợ con dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông M đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Vợ chồng đã được Công an xã SĐ hoà giải nhưng không hàn gắn tình cảm được. Nay bà H không còn tình cảm với ông M nên tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề gồm:

- Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Văn M.

- Quan hệ nuôi con chung: Bà và ông M có hai con chung là Đinh Hoàng D, sinh ngày 15/12/1992 và Đinh Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2002. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Đinh Tiến Ph và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con đối với Đinh Tiến Pha mỗi tháng là 500.000(năm trăm ngàn) đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi. Đối với con chung tên Đinh Hoàng D, sinh năm 1992 đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Quan hệ chia tài sản chung: Bà Ha và ông M tự thoả thuận , không yêu cầu Toà án giải quyết .

Đối với số tiền 25.525.000 đồng về khoản tài sản chung do ông M khai, bà H không đồng ý.

- Quan hệ nợ chung: Bà H khai không có.

Quá trình tố tụng, tại biên bản hoà giải ngày 31/5/2018, 04/7/2018 và 28/8/2018 bị đơn là ông Đinh Văn M trình bày :

Ông và bà Phạm Thị H thành hôn vào ngày 23/10/1997, hôn nhân do mai mối và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Sau khi thành hôn vợ chồng sinh sống ở xã SĐ. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm : Đinh Hoàng D, sinh ngày 15/12/1992 và Đinh Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2002. Đến tháng 10/2017, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, lý do vợ ông có quen với người đàn ông khác và sau đó vợ chồng có đến Uỷ ban nhân dân giải quyết hàn gắn tình cảm. Ông M có làm cam kết ông không chưởi bới, đánh đập vợ và từ đó vợ ông sống ly thân cho đến nay.

Nay, ông mất lòng tin bà H và có yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề như sau :

Về hôn nhân : Ông Đinh Văn M đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị H.

Về nuôi con chung : Ông đồng ý giao cháu Đinh Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2002 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng cháu Ph 500.000(năm trăm ngàn) đồng/ tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với con chung Đinh Hoàng D đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về chia tài sản chung : 01 xe SH nam giá khoảng 40.000.000đồng, 01 chiếc xe SH nữ giá khoảng 40.000.000 đồng, ông yêu cầu nhận xe SH nam, giao SH nữ cho bà H sử dụng và 01 chiếc Wave S Honda có giá khoảng 10.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy Dream Hàn Quốc giá khoảng 2.500.000 đồng do ông sử dụng nên ông yêu cầu nhận xe Dream; 3,5 công đất ruộng giá khoảng 350.000.000 đồng và ngôi nhà cấp 4

có giá khoảng 100.000.000 đồng, ông yêu cầu chia cho ông 1,5 công đất và căn nhà để thờ cúng ở Ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tất cả tài sản trên là của vợ chồng.

Yêu cầu bà H trả lại cho ông phân nửa số tiền là 12.762.500 đồng, về khoản tiền người khác nợ vợ chồng. Tổng giá trị tài sản ông yêu cầu được nhận trong khối tài sản chung của vợ chồng là 305.262.500 đồng.

Do vụ án này bà H khởi kiện nên ông yêu cầu bà H làm đơn yêu cầu chia tài sản chung, ông không phải là người yêu cầu ly hôn, do đó ông không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và cũng không đồng ý đóng bất cứ khoản tạm ứng án phí nào trong vụ án. Ông đã nhận được thông báo của Toà án yêu cầu ông nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng bà Hlà người yêu cầu ly hôn nên ông không đồng ý làm đơn để yêu cầu chia tài sản hay nộp tạm ứng án phí để yêu cầu chia tài sản.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự : Hội đồng xét xử, Thư ký, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án : Về Hôn nhân yêu cầu Ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Đinh Văn M là có cơ sở và ông M cũng đồng ý ly hôn. Về nuôi con chung bà H được trực tiếp nuôi con chung tên Đinh Tiến Ph và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông M cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Về quan hệ tài sản chung : Bà H không yêu cầu chia tài sản chung, để vợ chồng tự thoả thuận, đối với ông M có yêu cầu chia tài sản chung nhưng ông M không đồng ý đóng tiền tạm ứng án phí . Toà án cũng đã thực hiện việc thông báo đối với ông M nhưng ông không thực hiện đóng tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu của mình nên không xem xét. Về nợ chung bà H và ông M khai không có nên ghi nhận .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị H xin ly hôn với ông Đinh Văn M nên xác định đây là vụ án dân sự về Hôn nhân và gia đình, về việc tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[2] Bà Phạm Thị H và ông Đinh Văn M chung sống với nhau từ năm 1997 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống bà H, ông M có được 02 con chung tên là Đinh Hoàng D, sinh ngày 15/12/1992 và Đinh Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2002.

Đến tháng 10/2017, ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm đồng thời vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay, bà H khởi kiện ly hôn với ông M với lý do không còn tình cảm vợ chồng. Đối với ông M, ông đồng ý ly hôn với bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng ông M, bà H đã sống ly thân với nhau từ 10/2017 cho đến nay không đoàn tụ , tha thứ cho nhau và hàn gắn tình cảm, chứng tỏ vợ chồng ông M, bà H không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được là phù hợp tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau :

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo, mục đích của hôn nhân không đạt được". Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Đinh Văn M .

[3] Bà H và ông M có hai con chung là Đinh Hoàng D, sinh ngày 15/12/1992 và Đinh Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2002. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Đinh Tiến Ph và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con đối với Đinh Tiến Ph mỗi tháng là 500.000(năm trăm ngàn) đồng cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi. Đối với con chung tên Đinh Hoàng D, sinh năm 1992 đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với ông M về yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng của bà H thì ông đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bà H và ông M về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con cụ thể như sau :

Bà Phạm Thị H được trực tiếp nuôi con chung tên Đinh Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2002. Ông Đinh Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Quan hệ chia tài sản chung : Bà H khai về tài sản chung để bà và ông M tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với ông M khai có tài sản chung và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng ông M từ chối không làm đơn với lý do ông cho rằng bà H là người khởi kiện xin ly hôn nên ông yêu cầu bà H làm đơn yêu cầu chia tài sản chung, ông không phải là người yêu cầu xin ly hôn(Biên bản hoà giải ngày 28/8/2018,Bút lục số 33). Toà án đã thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ và tống đạt hợp lệ đối với ông M (Bút lục hồ sơ số 34 và 35) nhưng ông M không thực hiện nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu chia tài sản chung của ông Đinh Văn M theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như Sau : "Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Toà án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi khởi kiện, đơn yêu cầu đó". Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn khởi kiện.

[5] Quan hệ nợ chung : Bà H, ông M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre về giải quyết vụ án : Về quan hệ hôn nhân,quan hệ nuôi con chung, chia tài sản và nợ chung trong vụ án ly hôn giữa bà H với ông M phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch, bà Phạm Thị H phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại Phần II mục 1.1 Danh mục Án phí, Lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0017152, ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ không có giá ngạch, ông Đinh Văn M phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Chương III Án phí trong vụ án dân sự của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử :

1) Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Đinh Văn M.

2) Về nuôi con chung: Bà Phạm Thị H được trực tiếp nuôi chung tên Đinh Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2002.

Ông Đinh Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bà H và ông M về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3) Về chia tài sản chung: Toà án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi các đương sự có đơn khởi kiện.

4) Về nợ chung: Không có.

5) Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch, bà Phạm Thị H phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017152, ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

6) Về án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ không có giá ngạch, ông Đinh Văn M phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. / .

Nơi nhận:
- VKSND. thành phố. Bến Tre;
- TAND. tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS. thành phố Bến Tre;
- UBND. Xã SĐ, tp. BT ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Ngọc Khánh

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị Ngọc Liên phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị đơn là chị Lê Thị Ngọc Liên có yêu cầu phản tố phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được Toà án chấp nhận là 256.000 đồng.

Tổng công án phí dân sự sơ thẩm chị Liên phải chịu là 456.000 đồng (bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền 200.000 đồng về tạm ứng án phí mà chị Liên đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 001240 ngày 15/02/2011của Chi Cục Thi Hành Án Dân Sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến tre, Chị Liên còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 256.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu ngàn đồng)

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án để toà cấp trên xét xử phúc thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Khánh